

Bản án số: 162/2024/HS-ST

Ngày: 26/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1988 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 2, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Quang, sinh năm 1962; có chồng là Nguyễn Huy H, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/8/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Trọng T1 và ông Nguyễn Văn Vận – Luật sư Công ty Luật hợp danh Đại An Phúc – Đoàn Luật sư thành tỉnh Hòa Bình.

*** Bị hại:**

1/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội, vắng mặt

2/ Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội, vắng mặt

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1988,.

Địa chỉ: Thôn Mục Uyên 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội, có mặt.

3/ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội, có mặt.

4/ Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 2, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI D V U Á N :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2022, anh Nguyễn Trung T (sinh năm 1991, trú tại thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội) là em chồng của chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1991, trú tại thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội) nói chuyện với Nguyễn Thị D (sinh năm 1988, trú tại thôn 2, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội - là giáo viên dạy môn tin học tại trường tiểu học An Dương, địa chỉ ngõ 189/15 phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội) về việc chị N hiện đang là giáo viên tại Trường tiểu học PC thuộc xã PC, huyện Q, thành phố Hà Nội có nhu cầu muốn chuyển nơi công tác từ Trường tiểu học PC về Trường tiểu học Minh Hà A thuộc xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội thì có giúp được không? D nói với Thắng là mình có khả năng xin chuyển công tác nên Thắng đã cho chị N số điện thoại của D để hai người tự liên hệ trao đổi công việc với nhau.

Cuối tháng 6/2022, chị N sử dụng số điện thoại cá nhân là 0984.363.570 để liên lạc tới số điện thoại 0365.247.323 của D để nhờ D giúp làm thủ tục luân chuyển nơi công tác cho chị N. Cũng trong thời điểm này, chị N có nói chuyện với chị Nguyễn Thị Nguyệt (sinh năm 1991, cùng trú tại thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội) hiện đang là giáo viên công tác tại Trường tiểu học PC là chị N đang nhờ D làm thủ tục chuyển công tác về trường tiểu học A. Khi nghe thấy vậy, chị Nguyệt đã nhờ chị N kết nối nhờ D làm hồ sơ chuyển công tác từ trường tiểu học Phương Cách về trường tiểu học Minh Hà A, huyện Thạch Thất. Khi được chị N trao đổi lại thông tin như vậy, D đã đồng ý. Theo đó chị N phải chi số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), số tiền

mà N2 phải chi là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) để D tặng quà cho Phòng Giáo dục huyện TT và Phòng Giáo dục huyện Q.

Ngày 26/6/2022, D sử dụng điện thoại nhãn hiệu IPhone 12 Promax gọi điện cho chị N yêu cầu N chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và chị N2 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) và nói là để làm hồ sơ bên huyện Q. D đã nhờ anh Nguyễn Huy H (*sinh năm 1988, trú tại thôn NH, xã HG, huyện T, thành phố Hà Nội là chồng của D*) mượn số tài khoản 19035761565019 ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (*Techcombank*), chủ tài khoản Đỗ Thị H (*sinh năm 1988, trú tại thôn 5, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội - là đồng nghiệp của Hà*). D nói với N là chị H là chuyên viên của Phòng Giáo dục huyện Q. Sau đó, D gửi số tài khoản trên của chị H cho chị Nga để chị N và chị N2 chuyển tiền. Sau đó, Chị N chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và chị N2 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) vào số tài khoản 19035761565019 của chị H. Khi chị H nhận được tiền trên thì đã chuyển 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) cho anh H qua số tài khoản 19031277966666, ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (*Techcombank*), của anh Nguyễn Huy H. Sau đó, anh H đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) cho D vào số tài khoản 19030612996013, ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (*Techcombank*), chủ tài khoản Nguyễn Thị D.

Ngày 27/6/2022, D tiếp tục nói với chị N là chuyển số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để D gửi tiền quà cho Lãnh đạo trường tiểu học Minh Hà A, trong đó của N và N2 mỗi người 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Vì không có tiền trong tài khoản nên chị N đã nhờ chị N2 chuyển luôn phần 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) của mình rồi sẽ trả cho chị N2 sau. Chị N2 đồng ý và dùng số tài khoản 1991885886, ngân hàng Quân đội (*MB Bank*), chủ tài khoản Nguyễn Thị N2 chuyển số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) vào số tài khoản 1234512345189, ngân hàng Quân đội (*MB Bank*) cho D. Tuy nhiên, thực tế bị cáo D không chuyển cho ai.

Ngày 28/6/2022, bị cáo D tiếp tục gọi điện nói với chị N là chuyển tiếp số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) để làm hồ sơ bên huyện TT. D đã gửi cho chị N số tài khoản 1234512345189 ngân hàng Quân đội (*MB Bank*) của D để chị N chuyển tiền. Chị N sử dụng số tài khoản 45210000632814 ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*BIDV*) của mình chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) cho D.

Ngày 03/7/2022, D tiếp tục liên lạc với chị N qua ứng dụng Zalo và nói với chị N là nói chị N2 chuyển số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để làm thủ tục chuyển trường bên huyện TT. Sau đó, D lại nhờ anh H mượn số tài khoản 0974756725, ngân hàng Quân đội (*MB Bank*), chủ tài khoản là Nguyễn Thị Kiều T (*sinh năm 1990, trú tại thôn 2, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội - là đồng nghiệp của anh H*), để D gửi cho chị N2. D nói dối chị T là chuyên viên của Phòng Giáo dục huyện TT. chị N2

đồng ý và dùng số tài khoản 1991885886, ngân hàng quân đội (MB Bank) chuyển số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) vào số tài khoản của chị T. Sau khi nhận được tiền, chị T đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho anh H rồi anh H đã chuyển lại cho D số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) đến số tài khoản 19030612996013, ngân hàng kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và đưa cho D 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền mặt.

Tổng số tiền chị N và N2 chuyển cho D là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Trong quá trình thực hiện công việc, D thỏa thuận với chị N sau khi chị N và chị N2 nhận được quyết định luân chuyển thì mỗi người sẽ chi thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để đi cảm ơn những người đã giúp. Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền trên, D không liên hệ với ai để làm thủ tục xin chuyển công tác cho chị N, chị N2 mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Ngày 17/6/2024 và ngày 01/7/2024, chị N và chị N2 đã gửi đơn tố giác bị cáo D đến Cơ quan Công an.

Cơ quan CSĐT Công an huyện TT đã tiến hành khám xét chỗ ở của D tại thôn 2, xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Đối với anh Nguyễn Trung T, người đã giới thiệu D với chị N để xin chuyển công tác cho chị N. Anh Thắng vì tin tưởng D nên đã cho số điện thoại của D cho chị N tự liên hệ, anh Thắng không tham gia, không biết việc thỏa thuận giữa D và chị N. Đồng thời, anh Thắng không được hưởng lợi ích từ việc giới thiệu D cho chị N. Do vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với việc anh Nguyễn Huy H nhờ chị Nguyễn Thị Kiều T và chị Đỗ Thị H gửi số tài khoản ngân hàng để nhận tiền xin chuyển công tác của chị N, chị N2 giúp D. Anh H không biết mục đích của việc nhận tiền để làm gì, chị T và chị H cũng chỉ biết nhận tiền hộ rồi chuyển lại cho anh H, rồi anh H chuyển lại cho D. Anh H, chị T, chị H không tham gia, không biết việc thỏa thuận giữa D và chị N, chị N2 và không được hưởng lợi gì từ việc nhận tiền giúp D. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh H, chị T, chị H.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2022, D khai nhận sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax để trao đổi, liên lạc với chị N, thực hiện việc nhận tiền của chị N, anh H chuyển đến. Tuy nhiên, hiện tại chiếc điện thoại đó D đã làm mất. Do vậy, không thu giữ được vật chứng.

Về dân sự:

Ngày 07/7/2024, D đã trả lại toàn bộ số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu đồng) cho chị N và chị N2. Chị N và chị N2 không có yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số: 127/CT-VKS ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện TT truy tố Nguyễn Thị D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị D và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị D từ 36 đến 42 tháng tù. Xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến: Việc bị cáo nhận tiền và có lo xin chuyển trường là có thật, lý do chưa chuyển được trường là vì bị cáo sao nhãng, không để tâm đến công việc, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần là chưa chính xác. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo rất thành khẩn khai báo, hơn nữa bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân đang mắc bệnh và phải nuôi dạy 02 con còn nhỏ, bản thân bị cáo trong quá trình công tác hàng năm luôn đạt thành tích cao, được tặng nhiều danh hiệu như “*chiến sỹ thi đua cơ sở; giáo viên dạy giỏi cấp quận*”, gia đình có công với cách mạng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và nghị án kéo dài để bị cáo có thời gian cung cấp các tài liệu nói trên.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về việc vắng mặt của bị hại: xét thấy bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Ý kiến của người bào chữa cũng như của bị cáo trình bày tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, gia đình có công với cách mạng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản án số 06/2024/HSST ngày 09/01/2024 bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này, hơn nữa trong suốt quá trình Điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo và bị cáo cũng không cung cấp được các tài liệu nào chứng minh cho yêu cầu, đề nghị nêu trên. Mẹ đẻ của bị cáo là bà Nguyễn Thị Quang tham gia phiên tòa cũng đã xác nhận gia đình không có ai tham gia cách mạng, do vậy không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị D khai nhận phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị D không có chức năng, nhiệm vụ trong việc làm hồ sơ luân chuyển công tác đối với giáo viên trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, vì vụ lợi, D đã đưa ra thông tin sai sự thật về việc mình có khả năng giúp xin luân chuyển công tác và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị N2 với tổng số tiền là 110.000.000 đồng (*trong đó chị N 45.000.000 đồng và chị N2 65.000.000 đồng*).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo rồi bị cáo chiếm đoạt và tiêu sái cá nhân hết, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Ngày 09/01/2024 Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 06/2024/HSST. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên xảy ra vào tháng 10/2022, còn hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị N2 xảy ra vào tháng 6/2022 và tháng 7/2022, hành vi này của bị cáo Nguyễn Thị D xảy ra trước ngày xảy ra vụ án số 06/2024/HSST nên không coi đây là tái phạm và bị cáo phải chấp hành song song hai bản án.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra

cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Như vậy, ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[7]. Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu và đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Thị D 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Tất Thành